

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/2021/HSST

Ngày: 30 - 9 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bồ Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 30 tháng 9 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2021/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/HSST-QĐ ngày 17/9/2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ KIM T, sinh năm 1985 tại Bình Phước; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Trường Thịnh, xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Xuân Các (đã chết) và bà Huỳnh Thị Nhóm; chồng Huỳnh Văn Tú và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 01/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tại bản án HSST số 129/2008/HSST, đã xóa án tích ; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Phạm Thị H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ 8, ấp An Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim T và Phạm Thị H là công nhân của công ty TNHH Sung Ju-Vina thuộc ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành. Khoảng 11 giờ 30 ngày 13 tháng 4 năm 2021, sau khi ăn cơm trưa, T đi đến khu vực nhà để xe của công ty, rồi ngồi lên xe mô tô, nhãn hiệu Vision, biển số 93P2-635.02 của chị Hiền để nghỉ. Lúc này, T phát hiện cốp yên xe của chị Hiền không khóa nên nảy sinh ý định tìm tài sản trộm cắp. T dùng tay mở yên xe, phát hiện trong cốp xe có 01 túi xách màu đỏ, T mở túi xách thì thấy số tiền 7.100.000đ nên lấy trộm bỏ vào túi quần, còn túi xách, T để lại trong cốp xe. Sau đó, T đóng cốp xe, quay lại xưởng tiếp tục làm việc. Khoảng 12 giờ cùng ngày, chị Hiền phát hiện bị mất tài sản nên trình báo công an. Qua trích xuất dữ liệu Camera của nhà để xe đã xác định T là người trộm cắp tiền của chị Hiền nên cơ quan điều tra mời T về trụ sở làm việc (BL 46-60)

Vật chứng vụ án: Số tiền 7.100.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị hại nên Cơ quan Điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

01 USB chứa dữ liệu Camera ghi lại hình ảnh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 76/CTr-VKS, ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim T về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo đang có thai. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 50, 38, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 08 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại công ty TNHH Sung Ju-Vina thuộc ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Nguyễn Thị Kim T đã lén lút lấy trộm của chị Phạm Thị H số tiền 7.100.000 đồng. Do số tiền bị cáo T chiếm đoạt lớn hơn 2.000.000 đồng do đó hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 76/CTr-VKS, ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo đang mang thai, bị hại xin bãi nại cho bị cáo, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s,n khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy, bị cáo đã từng bị xét xử về hành vi phạm tội “trộm cắp tài sản”, nay lại phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 7.100.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị hại nên Cơ quan Điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

01 USB chứa dữ liệu Camera ghi lại hình ảnh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, được lưu giữ theo hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, tuy nhiên đề nghị mức hình phạt chưa nghiêm khắc để có tác dụng, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s, n khoản 1,2 Điều 51, Điều 50, 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB ghi lại hình ảnh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Thành – Phạm Xuân Đính

